

**BLTTHS năm 2015 cho phép người bị hại có thể rút yêu cầu khởi kiện vào bất cứ giai đoạn tố tụng nào trong quá trình giải quyết vụ án, nhằm đảm bảo cho bị hại có nhu cầu thi gian để cân nhắc giữa lợi ích và thiệt hại trong việc đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, quá trình áp dụng quy định này vào thực tiễn phát sinh vướng mắc, bất cập cần phải được khắc phục, nhất là đối với trường hợp bị hại rút yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn xét xử phúc thẩm.**

Khởi kiện theo yêu cầu của bị hại và quy định rút yêu cầu khởi kiện của bị hại

Điều 155 BLTTHS năm 2015 quy định như:

“1. Chủ tịch khu vực tổ chức vụ án hình sự về thi phạm quy định tại khoản 1 các điều 134, 135, 136, 138, 139, 141, 143, 155, 156 và 226 của Bộ luật Hình sự (BLHS) khi có yêu cầu của bị hại hoặc người đi kiện của bị hại là người dưới 18 tuổi, người có nhu cầu đi tìm và tâm thần hoặc thể chất hoặc đã chết.

2. Trường hợp người đã yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu thì vụ án phải được đình chỉ, trừ trường hợp có căn cứ xác định người đã yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện trái với ý muốn của họ do bị ép buộc, công kích thì tuy người đã yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu, Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án

vấn đề tiếp tục tiến hành tố tụng đối với vụ án.

3. Bị hại hoặc người đại diện của bị hại đã rút yêu cầu khởi kiện thì không có quy định yêu cầu nào, trình trình nghị sự rút yêu cầu do bị ép buộc, cưỡng bức”.

So với quy định tại Điều 105 BLTTHS năm 2003 về khởi kiện và án hình sự theo yêu cầu của người bị hại, quy định này có điểm mới là bổ sung thêm trình nghị sự có ý gây tổn hại tích cực gây tổn hại sức khỏe của người khác do vượt quá mức cần thiết khi bắt giữ người phạm tội là một trong những tố kiện theo yêu cầu của bị hại. Đồng thời, sửa đổi phạm vi về quy định rút yêu cầu khởi kiện của bị hại. Nếu khoản 2 Điều 105 BLTTHS năm 2003 quy định người bị hại được rút yêu cầu khởi kiện và án trước ngày mở phiên tòa sơ thẩm thì khoản 2 Điều 155 BLTTHS năm 2015 không giới hạn thời điểm bị hại rút yêu cầu khởi kiện, mà chỉ quy định “trình nghị sự đã yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu thì vẫn phải được đình chỉ”. Quy định này chỉ hợp lý trong trình nghị sự bị hại rút yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn điếu tra, truy tố hoặc trước khi mở phiên tòa sơ thẩm hoặc tại phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ, thẩm định đình chỉ và án trong các trình nghị sự trên được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 230; khoản 1 Điều 248 và khoản 1 Điều 282 BLTTHS năm 2015. Nếu bị hại rút yêu cầu khởi kiện sau khi đã xét xử sơ thẩm thì về nguyên tắc, thẩm định tố tụng bị hại phải kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung là rút yêu cầu khởi kiện, yêu cầu không truy cứu trách nhiệm hình sự (TNHS) đối với bị cáo hoặc có kháng cáo của bị cáo hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát. Với quy định này, có thể khẳng định rằng người bị hại được quy định rút yêu cầu khởi kiện bắt cứ giai đoạn tố tụng nào, có thể là ở giai đoạn điếu tra, truy tố, xét xử (sơ thẩm, phúc thẩm).

Việc không giới hạn giai đoạn thực hiện quy định rút yêu cầu khởi kiện giúp cho bị hại có thể gian cân nhắc để quyết định có yêu cầu truy cứu TNHS người phạm tội hay không, phù hợp với những sửa đổi, bổ sung trong chế định miễn TNHS quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các nhóm tội phạm xâm phạm tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm. Tuy nhiên, việc không giới hạn thời điểm thực hiện quy định rút yêu cầu khởi kiện của bị hại phần nào gây ra sự tốn kém về thời gian, chi phí tố tụng, nhất là trong trình nghị sự bị hại rút yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Hơn nữa, khi bị hại rút yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn này sẽ gây khó khăn cho công tác phúc thẩm trong vấn đề xử lý, bồi đắp, các quy định về xét xử phúc thẩm của BLTTHS năm 2015 không được áp dụng với bị hại rút yêu cầu khởi kiện và những quy định yêu cầu như thế nào?

Giới quy định yêu cầu của bị hại trong việc rút yêu cầu khởi kiện và án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm

Như đã phân tích, BLTTHS năm 2015 không giới hạn quy định rút yêu cầu khởi kiện và án của bị hại, do đó, bị hại có thể rút yêu cầu khởi kiện và án ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, và vẫn còn là chủ thể quan tâm hành động tiếp theo là phải giới thiệu quy định yêu cầu của bị hại một cách hợp lý, đúng quy định pháp luật. Điều và trong trường hợp này, có thể phát sinh hai trường hợp là bị hại rút yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa hoặc tại phiên tòa. Chúng tôi phân tích tính chất, thẩm quyền giới thiệu quy định yêu cầu của bị hại và trong trường hợp như sau:

Một là, bị hại rút yêu cầu khởi kiện trước khi mở phiên tòa xét xử phúc thẩm.

Không giống với thẩm quyền xét xử sơ thẩm, trong trường hợp chỉ có bị hại kháng cáo và bị hại rút yêu cầu khởi kiện thì Tòa án phải giới thiệu thích cho bị hại và họ tự quyết định rút yêu cầu khởi kiện và Tòa án vẫn phải mở phiên tòa xét xử và án, không thể đình chỉ và án theo quy định tại khoản 1 Điều 282 BLTTHS như điều và trong thẩm quyền xét xử sơ thẩm trước, bị hại, thẩm quyền xét xử phúc thẩm không quy định đình chỉ và án mà chỉ có đình chỉ xét xử phúc thẩm. Nếu Tòa án căn cứ vào việc rút yêu cầu của bị hại để đình chỉ xét xử phúc thẩm thì bản án sơ thẩm sẽ có hiệu lực pháp luật, khi đó việc rút yêu cầu khởi kiện của bị hại sẽ không có ý nghĩa, bị cáo vẫn phải chấp hành hình phạt theo quy định của bản án sơ thẩm. Nếu ngoài bị hại kháng cáo còn có kháng cáo của bị cáo hoặc kháng nghị của Viện kiểm sát thì thẩm quyền giới thiệu quy định như trường hợp bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa.

Hai là, bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm.

Khi bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa thì Tòa án cũng không đình chỉ trước và án như tại phiên tòa sơ thẩm. Về nguyên tắc và thẩm quyền tiếp theo, Tòa án phải căn cứ vào khoản 2 Điều 155; điểm d khoản 1 Điều 355 BLTTHS năm 2015 hay bản án sơ thẩm và đình chỉ và án. Tuy nhiên, điều chi tiết và Điều 359 BLTTHS năm 2015 quy định về căn cứ để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ và án lại không có trường hợp bị hại rút yêu cầu khởi kiện và án. Chính việc BLTTHS không quy định chủ thể và vẫn để bị hại rút yêu cầu khởi kiện ở giai đoạn xét xử phúc thẩm dẫn đến quy định rút yêu cầu khởi kiện của bị hại được luật ghi nhận, nhưng khi quy định này được thực hiện trên thực tế, chủ thể quan tâm hành động tiếp theo lại không có chủ thể pháp lý để giới thiệu quy định đúng theo nguyên tắc, thẩm quyền xét xử phúc thẩm. Điều này dẫn đến thực tế có nhiều cách hiểu và vẫn đang khác nhau: Ý kiến thứ nhất cho rằng, nếu bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa xét xử phúc thẩm thì Tòa án chỉ nên xem xét đây là tình tiết mới để làm căn cứ giảm nhẹ TNHS cho bị cáo; ý kiến thứ hai cho rằng, Tòa án phải miễn hình phạt cho bị cáo; ý kiến thứ ba cho rằng, Tòa án cấp phúc thẩm phải hủy bản án sơ thẩm và cho cấp sơ thẩm đình chỉ và án theo quy định tại Điều 282 BLTTHS năm 2015; ý kiến thứ tư cho rằng, nên miễn TNHS cho bị cáo. Chúng tôi lần lượt phân tích tính có căn cứ của từng ý kiến như sau:

Điểm và ý kiến thứ nhất: Theo chúng tôi, ý kiến này không phù hợp với nguyên tắc bucc tti của bị hại đối với các tội phạm khởi kiện theo yêu cầu của bị hại quy định tại khoản 1 Điều 155 BLTTHS năm 2015. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 không quy định thời điểm bị hại rút yêu cầu khởi kiện, có nghĩa là quy định này được thực hiện bất kỳ giai đoạn nào, có thể là giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, xét xử phúc thẩm, hoặc ngay sau khi khởi kiện theo Điều 155 quy định “trước khi hợp nghị đã yêu cầu khởi kiện rút yêu cầu thì vẫn áp dụng điều đình chấp...”, vì vậy Tòa án chỉ xem yêu cầu rút đơn khởi kiện để làm cơ sở giám định TNHS cho bị cáo là chấp hành đúng quy định rút yêu cầu khởi kiện của bị hại.

Điểm và ý kiến thứ hai: Ý kiến này không có cơ sở theo quy định tại Điều 59 Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 2015. Điểm chiếu với điều kiện miễn hình phạt quy định tại Điều 59 của BLHS cho thấy, bị cáo chỉ có thể được miễn hình phạt nếu đáp ứng một trong hai điều kiện: (1) Bị cáo có ít nhất hai tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 và đáng được khoan hồng để giảm bớt; (2) Bị cáo phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đang phạm tội nhưng có vai trò không đáng kể và đáng được khoan hồng để giảm bớt. Với ý kiến này chúng ta cần phân biệt giữa miễn hình phạt với không phải chịu TNHS. Miễn hình phạt là trường hợp hành vi bị cáo đã cấu thành tội phạm và phải chịu TNHS (hình phạt), do bị cáo có những tình tiết giảm nhẹ hoặc là người phạm tội lần đầu, là người giúp sức trong vụ án đang phạm tội nhưng có vai trò không đáng kể và đáng được khoan hồng để giảm bớt nên miễn được miễn hình phạt (không phải chấp hành hình phạt) chứ không phải hành vi phạm tội của họ không phải chịu TNHS. Điểm và các tội phạm khởi kiện theo yêu cầu của bị hại, có thể nói yêu cầu khởi kiện vẫn của bị hại là tiến độ, điều kiện để các cơ quan tiến hành tố tụng gửi quy trình vụ án, hay nói cách khác, bị hại là một trong những chủ thể đầu tiên quy trình vụ án có truy cứu TNHS của bị cáo hay không. Nếu bị hại không đồng ý khởi kiện vẫn án để truy cứu TNHS của bị cáo thì không có lý do gì bị cáo chỉ được miễn hình phạt mà đáng lý ra họ không phải chịu TNHS.

Điểm và ý kiến thứ ba: Ý kiến này không có căn cứ, bởi lẽ điểm chiếu căn cứ hủy bỏ án sơ thẩm thì không có căn cứ nào Tòa án cấp phúc thẩm có thể hủy bỏ án của cấp sơ thẩm khi không có vi phạm theo quy định tại Điều 358 BLTTHS năm 2015.

Điểm và ý kiến thứ tư: Chúng tôi đồng tình với việc vẫn đang quy định về miễn TNHS để làm căn cứ gửi quy trình rút yêu cầu khởi kiện của bị hại ở giai đoạn xét xử phúc thẩm. Việc áp dụng quy định về miễn TNHS và gửi quy trình được hai vấn đề: (1) Quy định rút yêu cầu của bị hại được thực hiện trên thực tế; (2) Cơ quan tiến hành tố tụng có đủ cơ sở pháp lý để gửi quy trình yêu cầu của bị hại mà không trái với nguyên tắc, quy định về thực tế xét xử phúc thẩm. Để miễn TNHS cho bị cáo, cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào nội dung quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 để xem xét bị cáo có đủ điều kiện để miễn TNHS hay không và áp dụng điều kiện khoản 1 Điều 357 BLTTHS năm 2015 để làm căn cứ quy trình miễn TNHS cho bị cáo.

Chúng tôi lần lượt phân tích quy định tại khoản 3 Điều 29 BLHS năm 2015 để làm rõ căn cứ của việc áp dụng chế độ như này trong việc giải quyết vụ án để bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Khoản 3 Điều 29 quy định: “Người bị hại có quyền khởi kiện phạm nhân nghiêm trọng do vô ý hoặc tội phạm ít nghiêm trọng gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác, đã bị nguy hiểm sấn công, bị tổn thương thiệt hại hoặc các phương tiện và đồ đạc người bị hại hoặc người đi kèm họ pháp của người bị hại tại nguy hiểm hòa giải và đồng nghĩa miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự”. Để miễn TNHS cho bị cáo theo quy định này, phải có đủ các điều kiện sau:

Thứ nhất, tội phạm mà bị cáo thực hiện phải là tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác. Qua rà soát một số hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 155 của pháp luật có yêu cầu khởi kiện của bị hại như đã nêu trên, có 08 tội danh là tội phạm ít nghiêm trọng, trừ tội hiếp dâm; Tội cưỡng dâm là tội phạm nghiêm trọng, không đáp ứng được điều kiện miễn TNHS trong trường hợp này. Do đó, việc miễn TNHS cho bị cáo đối với 02 tội danh này sẽ không thực hiện được, mặc dù bị hại có rút yêu cầu khởi kiện. Thứ hai, người bị hại hoặc người đi kèm họ pháp của người bị hại tại nguy hiểm hòa giải và đồng nghĩa miễn TNHS cho bị cáo. Theo tiến trình xét xử cho thấy khi bị hại quy định như rút yêu cầu khởi kiện thì với ý chí họ không muốn truy cứu TNHS đối với bị cáo nữa và mong muốn cơ quan tiến hành tố tụng không kết tội bị cáo. Do đó, trong trường hợp này, Tòa án phải yêu cầu bị hại hoặc người đi kèm họ pháp của bị hại tại nguy hiểm hòa giải với bị cáo và thực hiện yêu cầu đồng nghĩa miễn TNHS cho bị cáo tại phiên tòa. Việc hòa giải và đồng nghĩa miễn TNHS này phải ghi rõ vào biên bản phiên tòa.

Thứ ba, người phạm tội đã bị nguy hiểm sấn công, bị tổn thương thiệt hại hoặc các phương tiện và đồ đạc cho phía bị hại. Điều kiện này đòi hỏi cơ quan tiến hành tố tụng phải căn cứ vào kết quả sấn công, bị tổn thương, các phương tiện và đồ đạc của bị cáo để xem xét. Điều luật quy định rõ là người phạm tội đã bị nguy hiểm sấn công, bị tổn thương thiệt hại hoặc các phương tiện và đồ đạc chỉ không phải xem xét việc thu nhận, ghi nhận bị tổn thương thiệt hại và giải quyết bị cáo với bị hại ở giai đoạn sơ thẩm, do đó, việc bị cáo hứa hòa giải với bị hại tại phiên tòa án sơ thẩm ghi nhận không phải là điều kiện để xem xét miễn TNHS cho bị cáo. Tuy nhiên, do phía bị hại không muốn truy cứu TNHS đối với bị cáo nữa nên Tòa án cần phải giải thích cho bị cáo hiểu về bị cáo thực hiện việc sấn công, bị tổn thương thiệt hại hoặc các phương tiện và đồ đạc do hành vi phạm tội của mình gây ra để được xem xét miễn TNHS. Trong trường hợp này Hội đồng xét xử có thể căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 352 BLTTHS hoãn phiên tòa cho bị cáo thực hiện nghĩa vụ bị tổn thương thiệt hại của mình để làm cơ sở xem xét miễn TNHS cho bị cáo.

Như vậy, để đảm bảo áp dụng đúng quy định của pháp luật trong việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của bị hại tại phiên tòa phúc thẩm thì yêu cầu của quan thẩm phán trong phiên tòa xét xử phúc thẩm và giải quyết các điểm kiến nghị và phân tích ở trên. Khi có các điểm kiến nghị nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm có thể xem việc rút đơn yêu cầu khởi kiện của bị hại là tình tiết mới và căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 367 BLTTHS năm 2015 quy định như sau: án sơ thẩm, miễn TNHS cho bị cáo. Tuy việc vận dụng quy định miễn TNHS tạm thời của giải quyết điểm c khoản 1 Điều 367 BLTTHS năm 2015 của bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm (trên hai tội danh hiếp dâm và cưỡng dâm không áp dụng điểm c quy định miễn TNHS như đã phân tích trên), nhưng phiên nào cũng khước phước điểm c thì sự sót của BLTTHS đi với trình bày của bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm.

Để có cơ sở pháp lý cho việc giải quyết yêu cầu rút yêu cầu khởi kiện và án của bị hại ở giai đoạn xét xử phúc thẩm, chúng tôi kiến nghị bổ sung vào BLTTHS năm 2015 tại Điều 359 căn cứ để hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án trong trường hợp bị hại rút yêu cầu khởi kiện tại phiên tòa phúc thẩm với nội dung như sau:

Điều 359. Hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án

“1. Khi có một trong các căn cứ quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 157 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, tuyên bố cáo không có tội và đình chỉ vụ án.

2. Khi có một trong những căn cứ quy định tại các khoản 3, 4, 5, 6, và 7 Điều 157 của Bộ luật này thì Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm và đình chỉ vụ án.

3. Khi bị hại hoặc đại diện hợp pháp của bị hại rút yêu cầu khởi kiện vụ án”/.

**Trích Kiemsat.vn**

